TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 90/2018/HNGĐ-ST .
Ngày: 12/11/2018
V/v: " *Tranh chấp xin ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Hương**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Phan Ngọc Lợi**
2. Bà **Dư Mỹ Linh**

- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Phan Đình Nguyên** – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 12 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 375/2018/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2018/QĐXX-ST ngày 01 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Văn T– Sinh năm: 1983 (Có mặt)
Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.
Bị đơn: Chị Huỳnh Thị Hồng T - Sinh năm: 1982 (Có mặt)
Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên Tòa, nguyên đơn anh Trần Văn T trình bày: Anh và chị T tự tìm hiểu quen biết trước, được gia đình cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2013 nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới nhau thì anh chị chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong hôn nhân nên dẫn đến cải vả. Mặc dù cả hai đã tự sửa đổi nhưng cũng không thể hàn gắn được tình cảm. Từ đó, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt nên anh yêu cầu ly hôn với chị T. Về con chung không có. Về tài sản và nợ chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai và tại phiên Tòa chị T trình bày: Chị thống nhất với trình bày của anh T về kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng. Chị xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong hôn nhân, anh T không lo chí thú làm ăn chỉ biết ăn chơi từ

đó vợ chồng thường xuyên cải nhau. Nay xét thấy anh T đã kiên quyết ly hôn thì chị đồng ý ly hôn. Về con chung không có. Về tài sản và nợ chung chị thống nhất với ý kiến của anh T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Anh Trần Văn T khởi kiện xin ly hôn với chị Huỳnh Thị Hồng T nên đây được xem là tranh chấp về ly hôn được quy định tại Khoản 01 – Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và bị đơn chị Huỳnh Thị Hồng T có địa chỉ cư trú tại ấp H, xã H, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại Khoản 01 - Điều 35; điểm a – Khoản 01 – Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1]Về quan hệ hôn nhân: Anh T, chị T cùng xác định anh chị tự tìm hiểu quen biết trước và được gia đình cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2013 nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, hôn nhân của anh chị không được pháp luật thừa nhận là hôn nhân hợp pháp. Nên anh T có yêu cầu ly hôn với chị T, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận anh T, chị T là vợ chồng.

[2.2]Về con chung: Không có.

[2.3]Về tài sản và nợ chung: Anh T, chị T xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]Về án phí: Áp dụng Khoản 4 - Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a - Khoản 5 - Điều 27 của Nghị quyết 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, án phí ly hôn sơ thẩm anh T phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 7227 ngày 04/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Anh T đã nộp đủ không phải nộp thêm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 - Điều 28; Khoản 01 – Điều 35, điểm a – Khoản 01 – Điều 39; Khoản 4 - Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a - Khoản 5 - Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận anh Trần Văn T và chị Huỳnh Thị Hồng T là vợ chồng.

2. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm anh T phải nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 7227 ngày 04/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Anh T đã nộp đủ không phải nộp thêm.

Báo cho hai bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 (Mười lăm), kể từ ngày tuyên án (12/11/2018).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Thi hành án dân sự huyện;
- UBND xã H;
- Các đ- ơng sự;
- L- u.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ